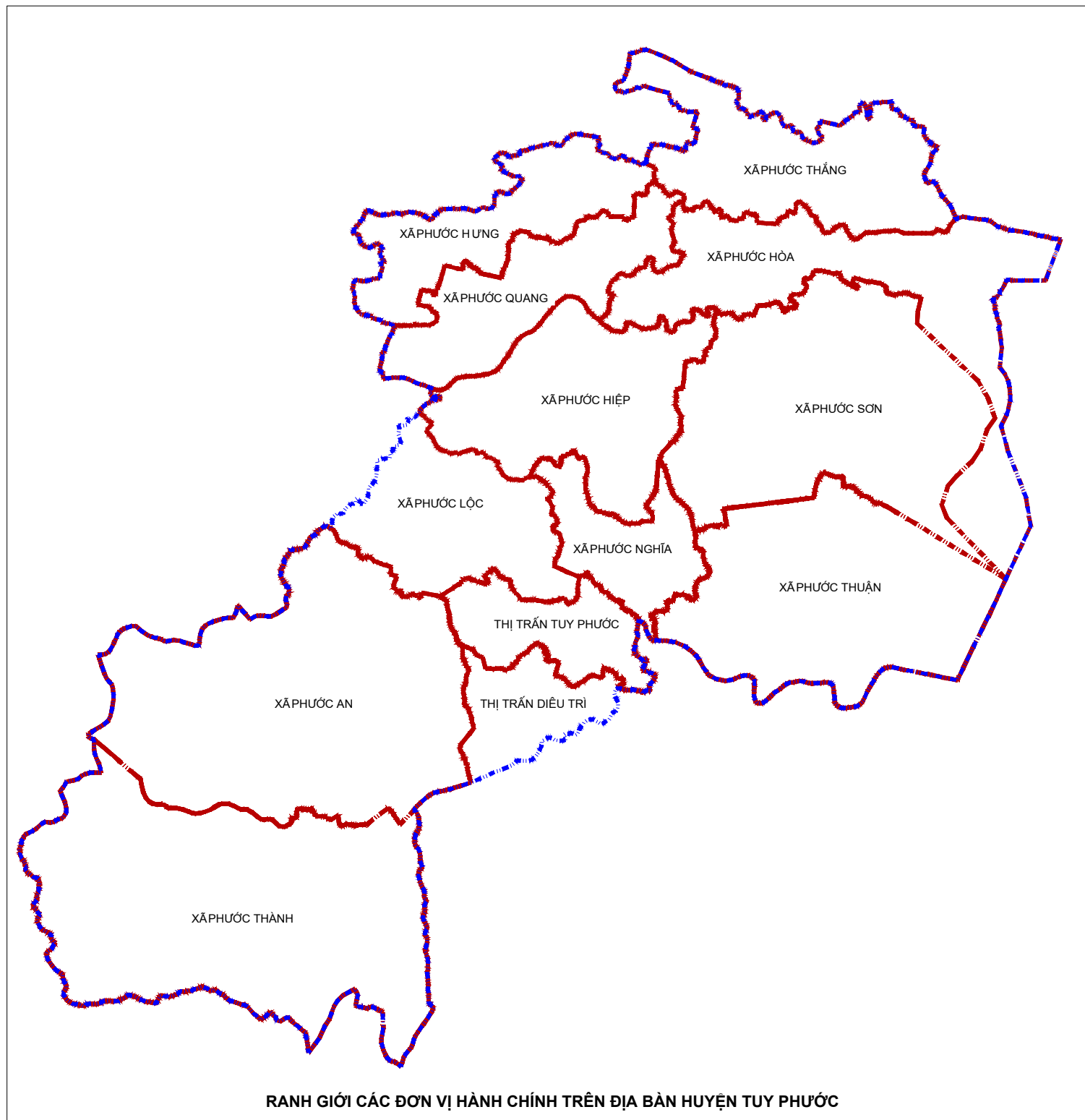




Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Tuy Phước là 21.987,2 Bảng hiện trạng sử dụng đất tính đến ngày 31/12/2020			
STT	Tên loại đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	21.987,20	100,00
I	Đất Nông nghiệp	14.318,50	65,10
1	Đất sản xuất nông nghiệp	10.297,70	46,80
a	Đất trồng cây hàng năm	9.997,20	45,50
1.1	Đất trồng lúa	7.911,00	36,00
b	Đất cơ dùng vào chăn nuôi	-	-
c	Đất trồng cây hàng năm khác	2.086,20	9,50
1.2	Đất trồng cây lâu năm	300,50	1,40
2	Đất Lâm nghiệp	2.855,70	13,00
2.1	Rừng sản xuất	2.517,00	11,40
2.2	Rừng phòng hộ	338,70	1,50
2.3	Rừng đặc dụng	-	-
3	Đất nuôi trồng thủy sản	1.077,20	4,90
4	Đất làm muối	28,70	0,10
5	Đất nông nghiệp khác	59,20	0,30
II	Đất phi nông nghiệp	7.090,70	4,90
1	Đất ở	1.063,90	4,80
1.1	Đất ở nông thôn	947,90	4,30
1.2	Đất ở đô thị	116,00	0,50
2	Đất chuyên dùng	3.097,50	14,10
2.1	Đất tư sở cơ quan, công trình sự nghiệp		

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tuy Phước, năm 2020)



CÓ GIỚI CẬN NHƯ SAU:

- PHÍA BẮC GIÁP: HUYỆN PHÙ CẬT
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: HUYỆN VÂN CANH
- PHÍA ĐÔNG VÀ ĐÔNG NAM GIÁP: THÀNH PHỐ QUY NHƠN
- PHÍA TÂY GIÁP: THỊ XÃ AN NHƠN

